

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH MINH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/DS-ST
Ngày: 22 – 8 – 2022
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thiết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Phi Hùng
2. Ông Sơn Mút

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Tiêm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tuấn Khanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 101/2021/TLST-DS, Ngày 18 tháng 10 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2022/QĐXXST-DS, ngày 27 tháng 7 năm 2022 và quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 91/2022/QĐST-DS, ngày 11 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đồng Thị G, sinh năm 1967 – có mặt

Địa chỉ: tổ 4, ấp 2, xã H, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1968 – có mặt

Địa chỉ: ấp 2, xã H, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/6/2021 và các lời trình bày tiếp theo của bà Đồng Thị G như sau:*

Nguyên vào năm 2018 bà G có tham gia chơi hụi do bà Nguyễn Ngọc N làm chủ các dây hụi như sau:

- **Dây số 1:** Hụi 1.000.000đồng, mở ngày 15/01/2018 âm lịch, nhằm ngày 01/3/2018 dương lịch, kết thúc vào ngày 15/7/2020 âm lịch, nhằm ngày 02/8/2020 dương lịch; Gồm có 32 phần, tiền hoa hồng 500.000đồng/1 lần khui hụi, bà Giàu tham gia chơi 1 phần; bà đã đóng được 29 lần hụi chết với số tiền 19.095.000đồng.

Đến lần thứ 29 thì bà N không đi thu tiền hụi nữa mà tự ý ngưng hụi. Như vậy số tiền mà bà N nợ bà: $1.000.000\text{đồng} \times 29 \text{ phần} = 29.000.000\text{đồng} - 500.000\text{đồng}$ tiền hoa hồng còn lại số tiền: 28.500.000đồng.

- **Dây số 2:** Hụi 200.000đồng, nửa tháng khui một lần, mở ngày 30/5/2018 âm lịch, nhằm ngày 13/6/2018 dương lịch, kết thúc vào ngày 15/5/2020 âm lịch, nhằm ngày 05/6/2020 dương lịch; gồm có 52 phần, tiền hoa hồng 100.000đồng/1 lần khui hụi, bà G tham gia chơi 04 phần; bà đã đóng được 48 lần hụi chết với số: $200.000\text{đồng} \times 4 \text{ phần} \times 48 \text{ lần} = 38.400.000\text{đồng} - \text{tiền hoa hồng } 400.000\text{đồng} = 38.000.000\text{đồng}$.

Nay bà Đồng Thị G yêu cầu bà Nguyễn Ngọc N có nghĩa vụ trả lại cho bà 02 dây hụi nói trên với tổng số tiền là: 66.500.000đồng (*sáu mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng*), đây là số tiền hụi mà bà G đã hốt chót được của các hụi viên.

Theo bà G, khi tham gia chơi hụi bà N và bà G cùng có sổ sách theo dõi riêng, đối với bà G có sổ nhỏ, những lần bà G đóng tiền hụi sống cho bà N, thì bà N có ghi tên nữa của bà, dây hụi nào bà G hốt rồi và giao tiền thì bà N gạch chéo vào sổ theo dõi của bà G. Ngoài ra bà G khẳng định; bà N không hề có bể hụi, vì hụi này bà N vẫn đi gom hụi của các hụi viên cho đến khi kết thúc.

** Theo bản khai ý kiến ngày 25/11/2021 và các lời trình bày của bà Nguyễn Ngọc N như sau:*

Bà N thừa nhận có tổ chức chơi hụi do bà làm đầu thảo vào năm 2018. Khi đó bà Đồng Thị G có tham gia chơi các dây hụi như trên là đúng sự thật, bà G tham gia chơi 01 dây hụi 1.000.000đồng và 200.000đồng là có thật. Đúng là có nợ bà G số tiền hụi là 75.000.000đồng, nhưng bà đã trả tiền hụi cho bà G vào tháng 7 năm 2020 rồi, nhưng khi đưa tiền hụi bà không có làm giấy tờ giao tiền cho bà G.

Nay bà N không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà Đồng Thị G về việc yêu cầu bà trả tiền 02 dây hụi sống nói trên cho bà G với tổng số tiền: 66.500.000đồng. Bà N khẳng định bà đã giao tiền hụi cho bà G rồi.

Tại phiên Tòa;

- Bà Đồng Thị G vẫn giữ yêu cầu bà Nguyễn Ngọc N trả tiền hụi chết của hai dây hụi số tiền: 66.500.000đồng, không đồng ý nhận hụi gốc đã góp vào. Bà G, bà N thừa nhận diễn biến các lần kêu hụi và thu tiền hụi cụ thể:

Dây hụi số 1: Hụi 1.000.000đồng, mở ngày 15/01/2018 âm lịch, nhằm ngày 01/3/2018 dương lịch, kết thúc vào ngày 15/7/2020 âm lịch, nhằm ngày 02/8/2020 dương lịch; Gồm có 32 phần, tiền hoa hồng 500.000đồng/1 lần khai hụi, bà Giàu tham gia chơi 1 phần; bà đã đóng được 29 lần hụi chết với số tiền 19.095.000đồng như sau:

+ Lần thứ 1, thứ 7, 13, 14, 17, 18, 19, 20, 21, 23 hụi viên kêu 300.000đ, bà Giàu góp số tiền $700.000đ \times 10 \text{ lần} = 7.000.000đ$.

+ Lần thứ 2 hụi viên kêu 350.000đ, bà G góp số tiền 650.000đ.

+ Lần thứ 3, thứ 5 hụi viên kêu 360.000đ, bà góp số tiền $640.000đ \times 2 \text{ lần} = 1.280.000đ$.

+ Lần thứ 4, 6 hụi viên kêu 380.000đ, bà góp số tiền $620.000đ \times 2 \text{ lần} = 1.240.000đ$.

+ Lần thứ 8, 9 hụi viên kêu 240.000đ, bà góp số tiền $750.000đ \times 2 \text{ lần} = 1.500.000đ$.

+ Lần thứ 10, hụi viên kêu 260.000đ, bà góp số tiền 760.000đ.

+ Lần thứ 11, hụi viên kêu 330.000đ, bà góp số tiền 670.000đ.

+ Lần thứ 12, hụi viên kêu 310.000đ, bà góp số tiền 690.000đ.

+ Lần thứ 15, hụi viên kêu 200.000đ, bà góp số tiền 800.000đ.

+ Lần thứ 16, hụi viên kêu 325.000đ, bà iàu góp số tiền 675.000đ.

+ Lần thứ 22, hụi viên kêu 320.000đ, bà góp số tiền 680.000đ.

+ Lần thứ 24, hụi viên kêu 400.000đ, bà góp số tiền 600.000đ.

+ Lần thứ 25, hụi viên kêu 415.000đ, bà góp số tiền 585.000đ.

+ Lần thứ 26, hụi viên kêu 405.000đ, bà góp số tiền 595.000đ.

+ Lần thứ 27, hụi viên kêu 500.000đ, bà góp số tiền 500.000đ.

+ Lần thứ 28, 29 hụi viên kêu 560.000đ, bà góp số tiền $440.000đ \times 2 \text{ lần} = 880.000đ$.

+ Lần thứ 30, hụi viên kêu 550.000đ, bà góp số tiền 450.000đ.

+ Lần thứ 31 và 32 là bà 350.000đ là hốt hụi chót.

Tổng số tiền hụi của dây số 1, bà góp hụi sống là: 19.095.000đồng.

Dây số 2: Hụi 200.000đồng, nửa tháng khai một lần, mở ngày 30/5/2018 âm lịch, nhằm ngày 13/6/2018 dương lịch, kết thúc vào ngày 15/5/2020 âm lịch,

nhằm ngày 05/6/2020 dương lịch; gồm có 52 phần, tiền hoa hồng 100.000đồng/1 lần khai hội, bà G tham gia chơi 04 phần; bà đã đóng được 48 lần hội chết với số: $6.635.000đ \times 4 \text{ phần} = 26.540.000đ$ như sau:

+ Lần thứ 1, 5, 10, 15, 16, 17, 19, 20, 23, 34, 35, 36 hội viên kêu 50.000đ, bà góp số tiền $150.000đ \times 12 \text{ lần} = 1.800.000đ$.

+ Lần thứ 2, 6, 8, 12, 13, 14, 29, 37, 38, 39, 47, 48 hội viên kêu 70.000đ, bà góp số tiền $130.000đ \times 12 \text{ lần} = 1.560.000đ$.

+ Lần thứ 3 hội viên kêu 65.000đ, bà góp số tiền 135.000đ.

+ Lần thứ 4, 22, 24, 25, 26, 27, 28, 30, 31, 32 hội viên kêu 60.000đ, bà góp số tiền $140.000đ \times 10 \text{ lần} = 1.400.000đ$.

+ Lần thứ 7, 43, 44, 46 hội viên kêu 80.000đ, bà góp số tiền $120.000đ \times 4 \text{ lần} = 480.000đ$.

+ Lần thứ 9, 21, 33 hội viên kêu 40.000đ, bà góp số tiền $160.000đ \times 3 \text{ lần} = 480.000đ$.

+ Lần thứ 40, 41, 42 hội viên kêu 75.000đ, bà góp số tiền $125.000đ \times 3 \text{ lần} = 375.000đ$.

+ Lần thứ 45 hội viên kêu 85.000đ, bà góp số tiền 115.000đ.

+ Lần thứ 49, 50, 51, 52 bà hốt chót.

Tổng số tiền hội của dây số 2, bà góp hội sống là: $6.635.000đ$ x 4 phần = $26.540.000đ$. Tổng 02 dây hội số tiền hội mà bà đã đóng cho bà N: $45.635.000đ$.

- Bà Nguyễn Ngọc N cho rằng sau khi kết thúc hội bà không còn giữ sổ sách hội nữa nên bà không nhớ rõ các lần hội viên kêu bao nhiêu, tuy nhiên, bà thống nhất với số tiền hội mà bà G đã đóng vào của 02 dây hội được số tiền khoảng $45.635.000đ$.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh thực hiện việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 26, 35, 68, 93, 97, 195, 196, 204, 205, 208, 209, 210, 239, 247 và Điều 254 của Bộ luật tố tụng dân.

+ Về việc nội dung: Bà N cũng xác định bà G có tham gia chơi 02 dây hội của bà và đóng tiền hội chết giống như lời trình bày của bà G. Bà N cho rằng bà có nợ tiền hội của bà Giàu số tiền $75.000.000đ$ nhưng bà đã trả xong cho bà Giàu vào tháng 7 năm 2020 nhưng khi trả tiền cho bà G thì không có làm giấy, tờ giao nhận

nên bà không đồng ý theo yêu cầu của bà G. Xét thấy việc bà N trình bày đã trả xong tiền nợ hui cho G nhưng không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh nên không có căn cứ để xem xét.

Tại phiên tòa bà G xác định trong 02 dây hui do bà N làm chủ hui có nhiều hui viên đã hốt hui nhưng không thực hiện nghĩa vụ đóng lại hui chết cho bà N, đồng thời bà N cũng đã có báo cáo với chính quyền địa phương về việc không có khả năng tiếp tục duy trì 02 dây hui. Do đó, buộc bà N phải có nghĩa vụ trả cho bà G tiền nợ hui mà bà G đã góp vào của 02 dây hui đồng thời phải chịu lãi suất 1,66%/tháng tính từ thời điểm bà N không thực hiện nghĩa vụ giao hui cho bà G, cụ thể:

Đối với dây hui 1.000.000đ, mỗi tháng khai một lần, mở ngày 01/3/2018 và kết thúc vào ngày 02/8/2020: buộc bà N trả cho bà G số tiền 19.095.000đ và lãi suất chậm trả tính đến ngày 22/8/2022 với số tiền được tính là $19.095.000đ \times 24 \text{ tháng} \times 1,66\% = 7.817.500đ$. Hui vốn và tiền lãi: 26.912.500đ.

Đối với dây hui 200.000đ, nửa tháng khai một lần mở ngày 13/6/2018 và kết thúc vào ngày 5/6/2020: buộc bà N trả cho bà G số tiền 26.540.000đ và lãi suất chậm trả tính đến ngày 22/8/2022 với số tiền được tính là $26.540.000đ \times 24 \text{ tháng} \times 1,66\% = 10.821.500đ$. Hui vốn và tiền lãi: 37.361.500đ.

Đề nghị áp dụng các Điều 468, 471 của Bộ luật sự năm 2015; Điều 16, 17, khoản 1 Điều 24 của Nghị Định số 19/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 quy định định về hui, họ, biên, phường.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đồng Thị G:

Buộc bà Nguyễn Ngọc N trả cho bà Đồng Thị G số tiền nợ hui là 64.274.000đ (nợ vốn là 45.635.000đ và lãi là 18.639.000đ) đồng thời tiếp tính lãi cho đến khi trả hết nợ cho bà G.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Ngọc N nộp 3.213.700đ. Buộc bà Đồng Thị G nộp 300.000đ; Được khấu trừ vào số tiền 1.731.000đ theo Biên lai thu số 0012312, ngày 18/10/2021 của CCTHADS thị xã Bình Minh nên hoàn trả cho bà G 1.431.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự quy định.

[2] Xét thấy; Theo diễn biến tại phiên tòa ngày 11/8/2022 thì bà G, bà N

thừa nhận trước năm 2018 thì bà G có tham gia chơi nhiều dây hụi do bà N làm chủ hụi. Tuy nhiên các dây hụi trước năm 2018 đã giao đủ tiền xong, không còn tranh chấp, khi giao tiền có giấy tờ đầy đủ. Trong năm 2018 thì bà G có tham gia chơi hụi do bà N làm chủ hụi gồm: Dây hụi 1.000.000đồng, mở vào ngày 15/01/2018 âm lịch, nhằm ngày 01/3/2018 dương lịch, gồm có 32 phần, bà Giàu tham gia chơi 1 phần. Dây hụi 200.000đồng, mở vào ngày 30/5/2018 âm lịch, nhằm ngày 13/6/2018 dương lịch, gồm có 52 phần, bà G tham gia chơi 4 phần, nửa tháng khui 1 lần. Bà G, bà N thống nhất bà G là người hốt chót của dây hụi 1.000.000đồng được số tiền 28.500.000đồng và dây hụi 200.000đồng được số tiền 38.000.000đồng. Cộng của 2 dây hụi: 66.500.000đồng. Căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không cần phải chứng minh, việc tham gia chơi hụi, loại hụi, số hụi viên giữa bà G và bà N. Tòa án không cần phải triệu tập các hụi viên vào tham gia tố tụng.

[3] Xét việc bà N thừa nhận số tiền hụi mà bà G đã hốt cuối kỳ của hai dây hụi được số tiền sau khi trừ tiền hoa hồng còn lại số tiền: 66.500.000đồng. Tuy nhiên, bà N không chứng minh được nghĩa vụ giao tiền hụi cho hụi viên cụ thể là bà Đồng Thị G. Bà G cho rằng tại tổ hòa giải ấp 2, xã Mỹ Hòa vào ngày 19/4/2021 thì có tổ trưởng, tổ hòa giải và cũng là trưởng ấp có biết việc bà N giao tiền hụi cho bà G và đề nghị Hội đồng xét xử triệu làm chứng cho bà N. Hội đồng xét xử thống nhất tạm ngừng phiên tòa theo yêu cầu của bị đơn. Tuy nhiên, tại phiên tòa ngày 22/8/2022 thì ông trưởng ấp không đến, nên không có căn cứ xem xét.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà G về việc yêu cầu bị đơn bà N có trách nhiệm trả tiền nợ hụi của hai dây hụi nêu trên số tiền 66.500.000đồng là có căn cứ chấp nhận một phần. Bởi các lẽ; bà N chủ hụi viên thời điểm mở hai dây hụi nói trên có nhiều hụi viên đã không hoàn thành việc góp hụi chết cho bà N, từ đó không còn khả năng duy trì các dây hụi, việc này bà N có báo chính quyền địa phương bằng văn bản ngày 30/3/2019. Do đó, việc nguyên đơn bà G yêu cầu trả tiền hụi sống theo như hốt cuối kỳ hụi là không có căn cứ; cần điều chỉnh lại đối với yêu cầu của nguyên đơn bà G như sau:

+ Dây hụi 1.000.000đồng bà G đã góp được tổng số 29 lần, lần góp cuối kỳ vào ngày 15/7/2020 ÂL (nhằm ngày 02/8/2020 DL) được số tiền: $19.095.000đ \times 24 \text{ tháng}, 20 \text{ ngày} \times 1,66\% = 7.817.500đ$ (tính lãi từ ngày 05/6/2020 đến ngày 22/8/2022 bằng 24 tháng 20 ngày).

+ Dây hụi 200.000đồng bà G đã góp được tổng số 48 lần, lần góp cuối kỳ vào ngày 15/5/2020 ÂL (nhằm ngày 05/6/2020 DL) được số tiền: $26.540.000đ \times 24 \text{ tháng} 17 \text{ ngày} \times 1,66\% = 10.821.500đ$ (tính lãi từ ngày 15/6/2020 đến ngày 22/8/2022 bằng 24 tháng 17 ngày).

Buộc bị đơn bà Nguyễn Ngọc N có trách nhiệm trả bà Đồng Thị G tổng số tiền của 02 dây hụi là: 64.274.000đồng (trong đó tiền hụi vốn: 45.635.000đ, tiền

lãi suất: 18.639.000đ).

[4] **Án phí dân sự sơ thẩm:**

Buộc bà Nguyễn Ngọc N chịu số tiền án phí dân sự là 3.213.000đồng.

Bà Đồng Thị G phải chịu số tiền 300.000đồng; Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí: 1.731.000đ theo Biên lai thu số 0012312, ngày 18/10/2021 của của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh. Hoàn trả bà G số tiền chênh lệch: 1.431.000đ.

[5] **Quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 468, 471 của Bộ luật sự năm 2015; Các Điều 16, 17, 24 của Nghị Định số 19/NĐ-CP, ngày 19/02/2019; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đồng Thị G.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Ngọc N có trách nhiệm trả bà Đồng Thị G tổng số tiền của 02 dây hui là: 64.274.000đồng (*sáu mươi bốn triệu hai trăm bảy mươi bốn ngàn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi suất chậm thi hành án, tương ứng với thời gian chưa hành án theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Ngọc N chịu số tiền án phí dân sự là 3.213.000đồng.

Bà Đồng Thị G phải chịu số tiền 300.000đồng; Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí: 1.731.000đ theo Biên lai thu số 0012312, ngày 18/10/2021 của của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh. Hoàn trả bà G số tiền chênh lệch: 1.431.000đ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các đương sự biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương

sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND TX Bình Minh;
- CC THADS TX Bình Minh;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

đã ký

Trương Minh Thiết